

**M T S THÔNG TIN
V TÀI NGUYÊN N CNG M - CÁC BÊN**

Nội dung trình bày

- **Vài nét v**
-

I. Khái quát về tài nguyên nước ngầm VN

- Ø Nước ta có nguồn tài nguyên nước ngầm khá phong phú.
- Ø Q trên toàn lãnh thổ (chưa kể phần hải đảo) khoảng 2.000m³/s. Lưu lượng các sông trong mùa khô phần lớn là nước ngầm.
- Ø Các thành hệ chứa nước, có vai trò quan trọng bao gồm:
 1. Thành hệ chứa nước lũ trong trầm tích Pleistocen và Neogen:
 - + Phân bố rộng BBB, ven biển miền Trung, BNB
 - + Dày từ vài chục mét - 400-500m,
 - + Tổng trữ lượng 2-3 tỷ m³ nước (BBB, ven biển miền Trung)
n 6-7 tỷ m³ nước (nhất là BNB),
 - + Mật độ chứa nước (T= vài trăm - 1000-2000m²/ngày;
giếng khoan có Q từ vài chục - vài trăm m³/h).
 - + Thành hệ chứa nước này là nguồn cấp nước quan trọng cho nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp ở BBB, BNB và vùng ven biển miền Trung của nước ta.

I. Tài nguyên nước ngầm VN... (tiếp)

2. Thành hình các Karst:

- + Phân bố chủ yếu khu vực miền Bắc: chiếm 1/3 diện tích các miền Bắc..
- + Mô đun dòng ngầm trung bình khoảng 10-12

I. Tài nguyên nước ngầm VN... (tiếp)

3. Thành phần các khe nứt-lỗ hổng trong bazan:

- + Phân bố Tây nguyên, chi độ sâu từ mặt hai chục mét – >100m.
- + Mô đun dòng ngầm trung bình trong bazan: 8->10 l/s.km².
- + Qkt các giếng khoan có thể tới 100 m³/h.
- + Hiện nay nước trong bazan là nguồn cung cấp chủ yếu cho nông nghiệp, sinh hoạt của nhân dân vùng Tây Nguyên, ngoài ra còn là

II. Khai thác, sử dụng nguồn công mìn Việt Nam

1. **Công nghiệp ô nhiễm** (các hình thức công nghiệp tập trung ô nhiễm phát sinh từ các sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, chế biến...):

- Hiện nay nguồn công mìn đóng góp khoảng 40% tổng lượng công mìn cấp cho các ô nhiễm, (lưu lượng là Hà Nội, khoảng $800.000\text{m}^3/\text{ng}$, TP.HCM khoảng trên $500.000\text{m}^3/\text{ng}$).

- Có nhiều ô nhiễm sử dụng 100% là nguồn công mìn, như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Buôn Ma Thuột, Quy Nhơn, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, và phần lớn các ô nhiễm còn lại sử dụng phần sử dụng công mìn và nguồn công mìn.

2. **Công nghiệp công nghiệp** (chủ yếu phát sinh

HI NTR NG KHAI THÁC S

Lo i	Tên ô th	Hi n t i	Nhu c u n
------	----------	----------	-----------

II	TP. Vũng Tàu	N c m t + ND	30.000 (80.000)	185.000
II	TP. Mỹ Tho (Tiền Giang)	MN + N c d i t	90.000	
II	TP. Cần Thơ	N c m t + ND	76.000	136.000
III	TX. Tuyên Quang	N c d i t	10.000	38.500
III	TX. Cao Bằng	N c m t	12.000	25.600
III	TP. Lạng Sơn	N c d i t	18.000	38.000
IV	TX. Lai Châu	N c d i t t t ch y	3.550	5.000
III	TP. Điện Biên	N c m t	8.000	30.000
III	TP. Yên Bái	N c m t	10.000	30.700
III	TP. Lào Cai	N c m t	8.500	30.700
III	TX. Sơn La	N c m t + ND	10.000 (5.000)	11.700
III	TX. Bắc Kạn	N c m t	4.000	10.000
IV	TX. Phú Thọ	N c m t	4.000	8.400
V	TX. Sông Công	N c m t	3.500	6.000

III	TP. Vĩnh Yên	Nợ c d i t	16.000	3.000
III	TP. Bắc Ninh	Nợ c d i t	11.000	3.500
III	TP.H Long – Công Ph	Nợ c m t+ND	97.000	

m B

IV	TX.B m S n	N c d i t	7.000	15.000
IV	TX Phúc Yên	N c d i t	28.000	45.000
IV	TX.S m S n	N c d i t	5.000	10.000
III	TP.Hà T nh	N c m t	11.000	28.400

III	TP. Phan Rang	N c m t	12.000	44.000
IV	TP. Phan Rang	N c m t	12.000	44.000

III	TP. Saéc	N c d i t	10.000	19.000
III	TP.Cao Lãnh	N c d i t	7.000	22.000
IV	TX. B n Tre	N c d i t NM	14.400	28.500
IV	TP.V			

II. Khai thác, sử dụng NN (tiếp)

3. Cơ cấu sinh hoạt, tái sản xuất khu vực nông thôn:

- Có tới 80% dân số nông thôn sử dụng các nghề nông, với các loại công trình: giồng ào, giồng khoan và mương.
- Nghề nông sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, cây công nghiệp (cà phê)

III. Các bên liên quan trong quản lý, KTSDNN

1. Các quan QLNN và TNN (cán bộ, nhân viên):

- Các cấp Trung ương: Bộ TN&MT, Các Bộ Quản lý TNN
- Nhiệm vụ chủ yếu là:
 - + Xây dựng VBQPPL,
 - + Hướng dẫn thực hiện,
 - + Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm;
 - + Quản lý công tác đi u tra c ố b ố n;
 - + Quản lý tài li u đi u tra c ố b ố n và n ề c ố n g m;
 - + Xây dựng chỉ n l ề c, quy ho ặ ch, k ế ho ặ ch dài h ạn, hàng n ăm; h ướng d ẫn, và t ố ch c ố vi c th ực hi ện sau khi c ố phê duy ết;
 - + Các phép th ăm dò, khai thác n ề c.
 - + T ố ng s ố cán b ố c ố c QLTNN kho ặ ng 100 ng ười, trong ó chuyên môn và n ề c ố n g m kho ặ ng 30%.

III. Các bên liên quan ... (tiếp)

- **Cấp quản lý:** UBND cấp tỉnh/TP; Sở TNMT, Phòng TN&MT cấp huyện.
- **Nhiệm vụ chủ yếu:**
 - + Tổ chức thực hiện các VBQPPL do Quốc hội/Chính phủ / Bộ TNMT ban hành;
 - + Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm;
 - + Cấp phép KTSD nước theo phân cấp của Chính phủ.
- **Hình thức**

III. Các bên liên quan ... (tiếp)

2. Các quan chức hiện diện trong bộ phận, kế hoạch, đánh giá TNN, quản lý tình hình cạnh tranh:

- Trung tâm Quy hoạch và hiện diện TNN trực thuộc Bộ TNMT (trực tiếp trực thuộc Cục Cảnh sát và Khoáng sản Việt Nam)
- Nhiệm vụ:
 - hiện diện trong bộ phận, kế hoạch, đánh giá TNN,
 - Quản lý tình hình cạnh tranh.
 - Giám sát các giao dịch cạnh tranh quy hoạch và hiện diện tài nguyên nước mặt.
- Trung tâm có 3 nhân viên trực thuộc đóng tại 3 vùng Bắc – Trung - Nam, phụ trách hiện diện

III. Các bên liên quan ... (tiếp)

3. Các quan QL và xây dựng công trình công cộng